

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 259/2024/DS-ST

Ngày: 16/9/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sỹ và ông Nguyễn Đình Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

- Đại diện VKSND Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thành Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/TLST-DS ngày 20/6/2024 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2024/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 241/2024/QĐST-DS ngày 30/8/2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP L**

(Tên gọi cũ: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt)

Trụ sở: Toà nhà LPBank, số 210 đường Trần Quang Khải, phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hồ Nam T** – Tổng giám

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Dương Thành V** - Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Bình Định.

(Theo Văn bản ủy quyền số 9721A/2023/QĐ-LPBank.GSKD và XLN ngày 17/07/2023)

Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn T – Chuyên viên xử lý nợ “Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”

Địa chỉ: 134-136 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

(Theo Văn bản ủy quyền số 10/2024/QĐ-LPBank.BĐ ngày 04/4/2024)

*** Bị đơn:**

- Chị Lê Thị T, sinh năm: 1978 “vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”

- Anh Trần Xuân Q , sinh năm: 1970 “vắng mặt”

Cùng cư trú: Thôn Hội Tân, xã Nhơn Hội, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2024 và các lời khai tiếp theo, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP L (Tên gọi cũ: Ngân hàng TMCP B) – anh Nguyễn T trình bày:

Ngày 12/08/2020 giữa Ngân hàng TMCP L (Tên cũ: Ngân hàng TMCP Bưu điện L) (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và vợ chồng chị Lê Thị T , anh Trần Xuân Q ký Hợp đồng tín dụng số HDTD49020201790, theo đó Ngân hàng đã cho anh Q , chị Th vay số tiền 100.000.000 đồng; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Mục đích cho vay: Vay tiêu dùng; Thời hạn cho vay: 36 tháng; Lãi suất cho vay: Lãi suất vay trong hạn: 8.5%/năm, cố định trong suốt thời gian vay vốn. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Phương thức trả nợ là trả lãi và gốc định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, từ tháng thứ 1 đến tháng thứ 35 trả nợ gốc số tiền mỗi tháng là 2.780.000 đồng, tháng thứ 36 trả nợ gốc số tiền là 2.700.000 đồng và tiền lãi hàng tháng theo thỏa thuận tại hợp đồng. Ngày 12/08/2020 Ngân hàng đã giải ngân 100.000.000 đồng vào tài khoản số 041175610001 (số tài khoản mới: 041175610003) cho vợ chồng chị Lê Thị T , anh Trần Xuân Q .

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, đến ngày 24/10/2022 chị Lê Thị Th và anh Q đã thanh toán nợ gốc là 72.330.119 đồng và nợ lãi là 18.491.376 đồng. Từ sau ngày 24/10/2022 cho đến nay chị T và anh Q không trả đầy đủ tiền gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng dẫn đến nợ quá hạn. Ngân hàng đã gửi thông báo nợ quá hạn và làm việc trực tiếp với chị T và anh Q, chị Lê Thị Th cam kết sẽ đóng đầy đủ số tiền nợ cho Ngân hàng nhưng kết quả không thực hiện đúng cam kết nên nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án buộc chị T và anh Q trả cho Ngân hàng TMCP L (Tên cũ: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt) số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 16/9/2024 là 40.890.228 đồng, trong đó: Nợ gốc: 27.669.881 đồng; Nợ lãi quá hạn: 7.008.623 đồng, phạt chậm trả gốc: 5.937.140 đồng; Chậm trả lãi: 274.584 đồng và buộc chị Lê Thị Thơm và anh Trần Xuân Q trả tiền lãi phát sinh sau ngày 17/9/2024 cho đến ngày chị Lê Thị T và anh Trần Xuân Q tất toán toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng theo thỏa thuận về mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số HDTD49020201790 ký ngày 12/08/2020.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 08/08/2024 và quá trình làm việc bị đơn chị Lê Thị T trình bày:

Ngày 12/8/2020 chị và anh Trần Xuân Q có ký hợp đồng vay của Ngân hàng TMCP L (Tên cũ: Ngân hàng TMCP B) số tiền 100.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD49020201790, theo đó hai bên thỏa thuận về lãi suất, phương thức trả nợ vay như trong hợp đồng. Trong quá trình vay, vợ chồng chị đã trả một phần gốc và

lãi theo như thoả thuận trong hợp đồng, thời gian đã trả không nhớ nhưng chị nhớ số tiền nợ gốc còn lại chưa trả là 27.669.881 đồng và nợ lãi chưa trả. Nay Ngân hàng TMCP L (Tên cũ: Ngân hàng TMCP Bưu điện L) khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả nợ thì chị đồng ý nhưng chị xin Toà cho vợ chồng chị trả dần vào ngày 15 hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng và xin Ngân hàng giảm bớt lãi cho vợ chồng chị.

Bị đơn chị Lê Thị Thom được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà hợp lệ nhưng chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Trần Xuân Q được Tòa tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ để đến tòa khai báo, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q không đến Tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh Q vắng mặt không có lý do.

+ Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự : Nguyên đơn, bị đơn chị Lê Thị T đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Xuân Q không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự được quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95, 98 Luật tổ chức tín dụng; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L . Buộc chị Lê Thị T và anh Trần Xuân Q phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP L số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 16/9/2024 tổng cộng là 40.890.228 đồng, trong đó: Nợ gốc: 27.669.881 đồng; Nợ lãi quá hạn: 7.008.623 đồng, phạt chậm trả gốc: 5.937.140 đồng; Chậm trả lãi: 274.584 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 17/9/2024 cho đến khi chị T và anh Q trả hết nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Th , bị đơn chị Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Trần Xuân Q mặc dù

đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng; Bị đơn có cư trú thôn Hội Tân, xã Nhơn Hội, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về nội dung: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số HDTD49020201 ngày 12/08/2020 được thiết lập giữa Ngân hàng TMCP L (Tên cũ: Ngân hàng TMCP B) và chị Lê Thị T , anh Trần Xuân Q thì về nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên giao dịch dân sự này hợp pháp.

Đối với Hợp đồng tín dụng số HDTD49020201 ngày 12/08/2020, Ngân hàng TMCP L đã cho vợ chồng chị Lê Thị T , anh Trần Xuân Q vay số tiền 100.000.000 đồng; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Mục đích cho vay: Vay tiêu dùng; Thời hạn cho vay: 36 tháng; Lãi suất cho vay: Lãi suất vay trong hạn: 8.5%/năm, cố định trong suốt thời gian vay vốn. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Phương thức trả nợ là trả lãi và gốc định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, từ tháng thứ 1 đến tháng thứ 35 trả nợ gốc số tiền mỗi tháng là 2.780.000 đồng, tháng thứ 36 trả nợ gốc số tiền là 2.700.000 đồng và tiền lãi hàng tháng theo thỏa thuận tại hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, đến ngày 24/10/2022 chị Lê Thị T và anh Trần Xuân Q đã thanh toán nợ gốc là 72.330.119 đồng và nợ lãi là 18.491.376 đồng. Từ đó đến nay, mặc dù Ngân hàng TMCP L đã nhiều lần yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ nhưng chị Th , anh Q không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tại bản khai, chị T có có ý kiến thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quá trình thực hiện hợp đồng vay giữa hai bên, thống nhất nợ gốc hiện còn và nợ lãi chưa thanh toán, đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng chị T xin cho trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng và xin giảm lãi nhưng người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng nhiều lần triệu tập và đến nơi cư trú để làm việc nhưng anh Q không chấp hành, không đến Tòa khai báo và làm việc.

Do chị T , anh Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc chị Lê Thị Thơm và anh Trần Xuân Quảng có nghĩa vụ thanh toán một lần cho Ngân hàng TMCP L số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 16/9/2024 là 40.890.228 đồng, trong đó: Nợ gốc: 27.669.881 đồng; Nợ lãi quá hạn: 7.008.623 đồng, phạt chậm trả gốc: 5.937.140 đồng; Chậm trả lãi: 274.584 đồng. Ngoài ra, chị T , anh Qu còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo quy định tính từ ngày 17/9/2024 cho đến khi trả hết nợ.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Lê Thị T và anh Trần Xuân Q phải chịu 2.044.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP L không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 978.000 đồng.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L (tên cũ: Ngân hàng thương mại cổ phần B).

1.1. Buộc chị Lê Thị Th và anh Trần Xuân Q phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP L (tên cũ: Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện L) số tiền nợ gốc là: 27.669.881 đồng và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 16/9/2024, trong đó nợ lãi quá hạn là 7.008.623 đồng, phạt chậm trả gốc là 5.937.140 đồng; Chậm trả lãi là 274.584 đồng. Tổng cộng là 40.890.228 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm chín mươi nghìn hai trăm hai mươi tám đồng).

1.2. Ngoài ra, chị Lê Thị T và anh Trần Xuân Q còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HDTD49020201 ngày 12/8/2020 đã ký với Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (tên cũ: Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt) tính từ ngày 17/9/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc.

2- Án phí Dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T và anh Trần Xuân Q phải chịu 2.044.000 đồng (Hai triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP L (tên cũ: Ngân hàng thương mại cổ phần B) 978.000 đồng (Chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001125 ngày 20/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. QN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Diễm

